

STT	Số báo danh	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Kết quả thi			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Ghi chú
							Cơ bản	Cơ sở ngành	Ngoại ngữ		
1	TD01	Nguyễn Minh	Châu	Nam	11/4/1974	Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
2	TD02	Lâm Xuân	Hương	Nam	10/23/1977	Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa	5.5	7.5	Miễn thi		Đậu
3	TD03	Cao Văn	Thanh	Nam	10/30/1991	Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa	6.5	7	77		Đậu
4	TD04	Võ Hoàng	Thanh	Nam	9/12/1986	Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa	5.25	9.25	70		Đậu
5	KM01	Nguyễn Thanh	Hiếu	Nam	4/1/1984	Khoa học máy tính	5	6	75		Đậu
6	KM02	Nguyễn Anh	Tam	Nam	12/18/1986	Khoa học máy tính	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
7	KM03	La Thành	Trí	Nam	1/10/1988	Khoa học máy tính	1.25	5	50		Rớt
8	KM04	Nguyễn Duy	Dũng	Nam	10/17/1991	Khoa học máy tính	5	5	27		Rớt
9	KM05	Nguyễn Tấn	Thông	Nam	3/3/1983	Khoa học máy tính	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
10	DO01	Nguyễn Đức	Anh	Nam	10/22/1991	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	7.25	4	64		Rớt
11	DO02	Bùi Nguyên	Bảo	Nam	4/13/1991	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	5.5	5	Miễn thi		Đậu
12	DO03	Phạm	Duy	Nam	6/12/1993	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	6	5.5	Miễn thi		Đậu
13	DO04	Phạm Hữu	Hà	Nam	5/20/1982	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	6	5.5	57		Đậu
14	DO05	Trần Duy	Hải	Nam	11/5/1981	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
15	DO06	Nguyễn Tiến	Hậu	Nam	11/9/1991	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	5.75	6	66		Đậu
16	DO07	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	11/29/1993	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	6	7.5	66.5		Đậu
17	DO08	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	11/19/1977	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	9.5	8	Miễn thi		Đậu
18	DO09	Phạm Xuân	Hùng	Nam	9/25/1983	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
19	DO10	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	9/27/1993	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	6.5	7	51		Đậu
20	DO11	Lê Văn	Nhã	Nam	12/21/1986	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	6	7.5	Miễn thi		Đậu
21	DO12	Nguyễn Văn	Phong	Nam	2/23/1978	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
22	DO13	Phan Văn	Rin	Nam	7/15/1991	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	5.25	5	60		Đậu
23	DO14	Huỳnh Kim	Tân	Nam	1/1/1993	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	6	4	67		Rớt
24	DO15	Nguyễn Khánh	Tú	Nam	4/27/1988	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	5.5	5.75	66		Đậu
25	DO16	Đỗ Thanh	Triều	Nam	12/10/1982	Kỹ thuật đường ô tô & đường thành phố	6	5	61		Đậu
26	CH01	Trương Thái	Hoàng	Nam	2/20/1984	Kỹ thuật xây dựng cầu hầm	9	5.25	88		Đậu
27	CH02	Nguyễn Văn	Liêm	Nam	4/4/1980	Kỹ thuật xây dựng cầu hầm	5.25	5.5	Miễn thi		Đậu
28	CH03	Trần Quang	Minh	Nam	11/8/1976	Kỹ thuật xây dựng cầu hầm	7.75	2	85		Rớt
29	CH04	Phạm Thanh	Tuấn	Nam	10/4/1988	Kỹ thuật xây dựng cầu hầm	8.25	6.5	Miễn thi		Đậu
30	CH05	Trần Văn	Thắng	Nam	1/10/1993	Kỹ thuật xây dựng cầu hầm	0.75	Vắng thi	Vắng thi		Rớt
31	QL01	Trần Hồng	Ba	Nam	3/7/1984	Quản lý hàng hải	7.5	7.5	Miễn thi		Đậu
32	QL02	Phạm Thanh	Bình	Nam	9/26/1986	Quản lý hàng hải	7	6.5	66.5		Đậu

STT	Số báo danh	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Kết quả thi			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Ghi chú
							Cơ bản	Cơ sở ngành	Ngoại ngữ		
33	QL03	Lê Thế	Cương	Nam	9/27/1990	Quản lý hàng hải	7.25	7	Miễn thi		Đậu
34	QL04	Nguyễn Trọng	Cường	Nam	9/27/1983	Quản lý hàng hải	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
35	QL05	Nguyễn Duy	Dũng	Nam	3/8/1991	Quản lý hàng hải	7.75	8.5	67		Đậu
36	QL06	Trần Trọng	Hà	Nam	10/6/1988	Quản lý hàng hải	7.5	8	77		Đậu
37	QL07	Nguyễn Hằng	Hải	Nam	6/20/1983	Quản lý hàng hải	8.5	8	Miễn thi		Đậu
38	QL08	Nguyễn Duy	Hải	Nam	1/15/1977	Quản lý hàng hải	7.25	7.5	Miễn thi		Đậu
39	QL09	Lê Minh	Hiếu	Nam	12/8/1973	Quản lý hàng hải	7	7.5	77.5		Đậu
40	QL10	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	5/23/1993	Quản lý hàng hải	7.25	7.5	Miễn thi		Đậu
41	QL11	Trần Nam	Khánh	Nam	9/9/1984	Quản lý hàng hải	7.75	7.5	Miễn thi		Đậu
42	QL12	Nguyễn Ngọc	Nhân	Nam	3/4/1982	Quản lý hàng hải	6.75	7.75	77.5		Đậu
43	QL13	Nguyễn Trọng	Nhật	Nam	9/17/1965	Quản lý hàng hải	6.25	5.5	74.5		Đậu
44	QL14	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	10/20/1984	Quản lý hàng hải	6.75	7.5	Miễn thi		Đậu
45	QL15	Đỗ Hồng	Quân	Nam	7/29/1985	Quản lý hàng hải	8	7.5	Miễn thi		Đậu
46	QL16	Bùi Văn	Tá	Nam	6/1/1977	Quản lý hàng hải	6	7.5	66		Đậu
47	QL17	Võ Quang	Tiến	Nam	10/18/1993	Quản lý hàng hải	6.75	5.5	68		Đậu
48	QL18	Nguyễn Minh	Tú	Nam	8/15/1987	Quản lý hàng hải	6.5	7.75	Miễn thi		Đậu
49	QL19	Đoàn Anh	Tuấn	Nam	5/1/1974	Quản lý hàng hải	6.5	6.25	58.5		Đậu
50	QL20	Nguyễn Đức	Tùng	Nam	11/7/1969	Quản lý hàng hải	6	7.5	Miễn thi		Đậu
51	QL21	Nguyễn Thị Mộng	Tường	Nữ	9/27/1972	Quản lý hàng hải	7.25	7.25	Miễn thi		Đậu
52	QL22	Đỗ Đức	Thịnh	Nam	10/14/1979	Quản lý hàng hải	7	7.5	50.5		Đậu
53	QL23	Lê Huy	Thông	Nam	11/9/1976	Quản lý hàng hải	6.25	7	73.5		Đậu
54	QL24	Nguyễn Danh	Thuấn	Nam	9/26/1987	Quản lý hàng hải	7.5	8.25	88		Đậu
55	QL25	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	9/14/1988	Quản lý hàng hải	7.75	6.5	88		Đậu
56	QL26	Trần Văn	Trọng	Nam	12/23/1978	Quản lý hàng hải	8.25	8	Miễn thi		Đậu
57	QL27	Lê Đức	Trung	Nam	11/13/1988	Quản lý hàng hải	7	7.25	84.5		Đậu
58	BT01	Nguyễn Văn	Ngọ	Nam	8/13/1990	Khai thác & Bảo trì tàu thủy	8.25	7.75	69		Đậu
59	BT02	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	2/14/1989	Khai thác & Bảo trì tàu thủy	7.75	8	69		Đậu
60	CO01	Trần Hưng	Sáng	Nam	8/14/1989	Cơ khí ô tô	7.25	8.75	68.5		Đậu
61	QH01	Trần Quang Vinh	An	Nam	5/6/1979	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	7	6.25	71		Đậu
62	QH02	Lê Công	Bằng	Nam	3/2/1979	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.25	5.75	Miễn thi		Đậu
63	QH03	Cam Quốc	Bình	Nam	5/21/1978	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.5	6.75	61		Đậu
64	QH04	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	5/14/1980	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
65	QH05	Đỗ Văn	Chiến	Nam	9/2/1984	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	8	5.75	50		Đậu
66	QH06	Nguyễn Văn	Chính	Nam	7/27/1977	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.25	6.5	43		Rớt
67	QH07	Lê Thành	Dũng	Nam	5/11/1983	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
68	QH08	Châu Anh	Dũng	Nam	11/26/1983	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.5	6.75	65		Đậu

THỜI
TRƯỚC
ĐẠI H
40 THỔNG
TP. HỒ CH

STT	Số báo danh	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Kết quả thi			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Ghi chú
							Cơ bản	Cơ sở ngành	Ngoại ngữ		
69	QH09	Đình Quốc	Đoàn	Nam	10/11/1982	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.5	7.25	Miễn thi		Đậu
70	QH10	Võ Thành	Được	Nam	2/16/1982	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	5.5	6.5	Miễn thi		Đậu
71	QH11	Nguyễn Hùng Quang	Hiền	Nam	9/22/1981	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	9.25	8	Miễn thi		Đậu
72	QH12	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	8/1/1992	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	8	6.25	71.5		Đậu
73	QH13	Nguyễn Xuân	Huy	Nam	10/27/1973	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.25	5	71.5		Đậu
74	QH14	Phạm Chí	Khang	Nam	4/22/1993	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.75	5.75	74.5		Đậu
75	QH15	Tạ Thanh	Khiêm	Nam	4/3/1981	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.5	6.25	Miễn thi		Đậu
76	QH16	Trần Minh	Mẫn	Nam	3/12/1986	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
77	QH17	Đặng Cao	Minh	Nam	10/16/1990	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	5.5	5	57		Đậu
78	QH18	Trần Thái	Nguyên	Nam	6/19/1979	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6.5	5.25	59		Đậu
79	QH19	Phan Duy	Phong	Nam	4/20/1983	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	7	6	Miễn thi		Đậu
80	QH20	Nguyễn Minh Bảo	Phương	Nam	7/27/1977	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	5.25	7.25	54		Đậu
81	QH21	Đỗ Hồng	Phượng	Nữ	12/1/1981	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	6	6.5	59		Đậu
82	QH22	Huỳnh Minh	Tân	Nam	9/30/1988	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	5	6.75	Miễn thi		Đậu
83	QH23	Nguyễn Mạnh	Tú	Nam	1/1/1985	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
84	QH24	Nguyễn Thái	Thành	Nam	1/17/1983	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	8.5	8.25	72		Đậu
85	QH25	Nguyễn Cao	Thắng	Nam	8/1/1984	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	7.75	6.75	52		Đậu
86	QH26	Nguyễn Văn	Thi	Nam	3/27/1976	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
87	QH27	Ngô Vinh	Thiện	Nam	10/21/1993	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	8.75	6.75	65.5		Đậu
88	QH28	Võ Đức	Thịnh	Nam	12/22/1988	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	2	5	50		Rớt
89	QH29	Nguyễn Công	Văn	Nam	6/12/1978	Quy hoạch và Kỹ thuật giao thông	8.5	6	Miễn thi		Đậu
90	CT01	Bùi Trung	Hiếu	Nam	10/21/1982	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	8.5	5.75	Miễn thi		Đậu
91	TC01	Phạm Trần Nhất	An	Nam	8/10/1990	Tổ chức và quản lý vận tải	2	Vắng thi	Vắng thi		Rớt
92	TC02	Bùi Nguyễn Diệp	Anh	Nữ	7/28/1994	Tổ chức và quản lý vận tải	3.75	9.25	Miễn thi		Rớt
93	TC03	Nguyễn Trần Hồng	Anh	Nam	5/5/1987	Tổ chức và quản lý vận tải	6.25	8.5	76		Đậu
94	TC04	Phạm Huy	Cường	Nam	8/20/1992	Tổ chức và quản lý vận tải	2.75	8.5	67		Rớt
95	TC05	Đỗ Thanh	Dân	Nam	2/2/1991	Tổ chức và quản lý vận tải	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
96	TC06	Hồ Ái Hà	Dung	Nữ	3/12/1994	Tổ chức và quản lý vận tải	8	9.5	76		Đậu
97	TC07	Phạm Tường	Duy	Nam	3/4/1987	Tổ chức và quản lý vận tải	4	9.5	65.5		Rớt
98	TC08	Trịnh Thị	Duyên	Nữ	11/10/1981	Tổ chức và quản lý vận tải	3	9.25	67		Rớt
99	TC09	Vũ Ngọc	Dương	Nam	6/4/1974	Tổ chức và quản lý vận tải	3.5	9.5	Miễn thi		Rớt
100	TC10	Trần Ngọc	Đức	Nam	7/7/1979	Tổ chức và quản lý vận tải	5.5	9	55		Đậu
101	TC11	Trần Trọng	Hà	Nam	6/25/1991	Tổ chức và quản lý vận tải	7.5	9.75	71.5		Đậu
102	TC12	Nguyễn	Hiếu	Nam	2/7/1994	Tổ chức và quản lý vận tải	6.5	9.75	71		Đậu
103	TC13	Hồ Xuân	Hoàn	Nam	6/5/1979	Tổ chức và quản lý vận tải	2.5	9.75	Miễn thi		Rớt
104	TC14	Lê Quang	Huy	Nam	10/11/1982	Tổ chức và quản lý vận tải	7	9.5	80		Đậu
105	TC15	Nguyễn Bá	Huy	Nam	2/20/1976	Tổ chức và quản lý vận tải	5.75	8.25	80		Đậu

NG
NG
C
VẬN T
MINH

Am

STT	Số báo danh	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Kết quả thi			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Ghi chú
							Cơ bản	Cơ sở ngành	Ngoại ngữ		
106	TC16	Mai Thị Xuân	Hương	Nam	7/3/1978	Tổ chức và quản lý vận tải	4	9.25	84		Rớt
107	TC17	Phạm Thị	Hương	Nữ	1/8/1985	Tổ chức và quản lý vận tải	3	9.5	74		Rớt
108	TC18	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	12/22/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	7.75	7.75	Miễn thi		Đậu
109	TC19	Ngô Thùy	Linh	Nữ	8/19/1985	Tổ chức và quản lý vận tải	7.5	9.5	85		Đậu
110	TC20	Lê Thùy	Linh	Nữ	9/10/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	6.25	8.5	Miễn thi		Đậu
111	TC21	Lê Hùng	Linh	Nam	11/18/1994	Tổ chức và quản lý vận tải	5.5	9.5	Miễn thi		Đậu
112	TC22	Đào Văn	Long	Nam	10/6/1985	Tổ chức và quản lý vận tải	0.5	Vắng thi	Vắng thi		Rớt
113	TC23	Đỗ Thị Ánh	Lụa	Nữ	11/22/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	7.25	9.5	74		Đậu
114	TC24	Lê Văn	Mạnh	Nam	10/22/1991	Tổ chức và quản lý vận tải	7.5	9.25	75.5		Đậu
115	TC25	Nguyễn Văn	Minh	Nam	12/1/1986	Tổ chức và quản lý vận tải	5.25	9.25	65		Đậu
116	TC26	Cao Văn	Nam	Nam	4/18/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	8	9.75	70		Đậu
117	TC27	Phạm Thanh Mỹ	Ngân	Nữ	5/4/1992	Tổ chức và quản lý vận tải	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
118	TC28	Lê Trần Đăng	Ngọc	Nam	7/15/1989	Tổ chức và quản lý vận tải	5.5	9.25	86		Đậu
119	TC29	Lê Bình Phương	Nhi	Nữ	5/20/1984	Tổ chức và quản lý vận tải	4.25	9.5	78		Rớt
120	TC30	Trần Thị Thùy	Nhung	Nữ	10/24/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
121	TC31	Nguyễn Thị	Tiến	Nữ	9/20/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	7.5	9	66		Đậu
122	TC32	Vũ Ngọc Đan	Thanh	Nữ	12/26/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	7.75	9.25	70		Đậu
123	TC33	Nguyễn Hoàng Anh	Thiện	Nam	1/13/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	2	6	71.5		Rớt
124	TC34	Trần Nguyên Bích	Thủy	Nữ	3/12/1991	Tổ chức và quản lý vận tải	6.75	9.25	89		Đậu
125	TC35	Võ Lê	Vân	Nữ	7/24/1990	Tổ chức và quản lý vận tải	6.75	9.75	Miễn thi		Đậu
126	TC36	Ngô Sỹ	Việt	Nam	6/7/1989	Tổ chức và quản lý vận tải	7.25	9.75	78		Đậu
127	TC37	Chu Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	11/24/1994	Tổ chức và quản lý vận tải	9.5	9.5	74		Đậu
128	TC38	Đinh Thị Hải	Yến	Nữ	9/25/1991	Tổ chức và quản lý vận tải	6.75	8	72		Đậu
129	TC39	Hà Thị Hải	Yến	Nữ	11/19/1993	Tổ chức và quản lý vận tải	5.75	9.75	Miễn thi		Đậu
130	TC40	Phạm Minh	Hùng	Nam	7/7/1972	Tổ chức và quản lý vận tải	5.25	9.75	69		Đậu
131	XD01	Huỳnh Ngọc	An	Nam	2/20/1976	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	5.25	7.75	56		Đậu
132	XD02	Trần Hữu	Chiến	Nam	3/10/1988	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
133	XD03	Lại Thế	Chinh	Nam	3/17/1985	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
134	XD04	Nguyễn Quốc	Dũng	Nam	1/14/1992	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	5.75	8.25	70		Đậu
135	XD05	Trần Văn	Đức	Nam	9/18/1981	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	5.75	8.5	65		Đậu
136	XD06	Lê Việt	Đức	Nam	2/20/1984	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	5.25	9.5	63		Đậu
137	XD07	Nguyễn Thị	Gái	Nam	6/27/1983	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	5.25	7	65		Đậu
138	XD08	Phạm Ngọc	Gianh	Nam	1/1/1993	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	6	9	60		Đậu
139	XD09	Hồ Xuân	Hiển	Nam	4/2/1981	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
140	XD10	Lê Nam	Hiếu	Nam	3/22/1977	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
141	XD11	Võ Hoàng	Nam	Nam	5/27/2010	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	5.75	9.25	50		Đậu
142	XD12	Nguyễn Hữu	Quang	Nữ	12/31/1978	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	5.5	8.5	66		Đậu

STT	Số báo danh	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Kết quả thi			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Ghi chú
							Cơ bản	Cơ sở ngành	Ngoại ngữ		
143	XD13	Võ Trọng	Tiên	Nam	8/19/1994	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi		Vắng
144	XD14	Hoàng Minh	Trí	Nam	4/30/1992	KTXD công trình dân dụng & công nghiệp	5.25	8.75	64		Đậu
145	KT01	Trần Đình	Cường	Nam	6/17/1994	Kỹ thuật tàu thủy	6	9.75	66		Đậu
146	KT02	Nguyễn Văn	Đức	Nam	9/28/1984	Kỹ thuật tàu thủy	5	8.5	67		Đậu
147	KT03	Võ Phan Quốc	Hải	Nam	3/11/1991	Kỹ thuật tàu thủy	6.25	9.5	Miễn thi		Đậu
148	KT04	Lê Khắc	Nhân	Nam	5/11/1988	Kỹ thuật tàu thủy	5	7	64		Đậu
149	KT05	Vũ Văn	Phương	Nam	9/6/1987	Kỹ thuật tàu thủy	8.25	9	64.5		Đậu

TP. Hồ Chí Minh ngày 09 tháng 06 năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS. Nguyễn Văn Thư